TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HC-PT
Ngày: 17/4/2023
V/v: "Khiếu kiện yêu cầu huỷ các quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 364/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện yêu cầu huỷ các quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

** Người khởi kiện:* Ông Lại Văn H; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai- Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị G; địa chỉ: tỉnh Gia Lai- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Duy N - Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: tỉnh Gia Lai - Có mặt.

- Ông Lưu Vũ A - Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội - Có mặt.

** Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Xin xét xử vắng mặt.

- Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến D - Phó Chủ tịch - Xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thành T - Có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hồ Thị N Y - Có mặt.

:: ** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị X; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị G; địa chỉ: tỉnh Gia Lai - Có mặt.

- Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – ông N vắng mặt, bà H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L; địa chỉ: thành phố Hà Nội - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị X, ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H:

- Ông Nguyễn Duy N - Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: tỉnh Gia Lai - Có mặt.

- Ông Lưu Vũ A - Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/6/2011 và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lại Văn H và người đại diện theo ủy quyền của ông Lại Văn H là bà Vũ Thị G trình bày:

Tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về quy hoạch, thu hồi đất nhưng không bồi thường.

Gia đình ông Lại Văn H có một mảnh đất tại thôn 1, xã H, huyện Đ.

Nguồn gốc thửa đất này là của cha mẹ đẻ của ông Lại Văn H (*tên là Lại Hồng Q và Bùi Thị T*) đi xây dựng kinh tế mới và khai hoang từ năm 1985. Năm 1990, cha mẹ của ông Lại Văn H lập di chúc, chia cho vợ chồng ông Lại Văn H được sử dụng khoảng 1 Hec- ta đất để ra ở riêng; đất này có tứ cận và có thôn trưởng cùng những người lân cận ký tên xác nhận.

Vợ chồng ông Lại Văn H đã làm nhà ở và canh tác trên đất này.

Năm 1992, ông Lại Văn H đau bệnh nên đã viết giấy gửi đất cho cậu mợ là vợ chồng ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H trông nom, canh tác.

Năm 2011, ông Lại Văn H xây nhà khoảng hơn 50 m^2 để ở.

Năm 2014, dân quân của Uỷ ban nhân dân xã H đến nhà ông Lại Văn H để đập phá nhưng không có quyết định.

Ngày 25/11/2016, Uỷ ban nhân dân xã H tự ý vào đất của gia đình ông Lại Văn H cắt nhiều cây to của gia đình ông Lại Văn H, xây dựng tường rào, làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Lại Văn H.

Ông Lại Văn H đã nhiều lần gửi đơn đến Uỷ ban nhân dân xã H và Uỷ ban nhân dân huyện M yêu cầu giải quyết sự việc, nhưng không được giải quyết, không được đền bù với lý do là đất của ông Lại Văn H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Uỷ ban nhân dân xã H vào năm 2000, di chúc của cha mẹ ông Lại Văn H không có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H nhận tiền bồi thường về đất của gia đình ông Lại Văn H khi ông Lại Văn H không uỷ quyền cho ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H nhận tiền về đất.

Ông Lại Văn H đã khiếu nại, yêu cầu xem xét đền bù, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H đã giải quyết tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ giải quyết tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 26/4/2018.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, nên ông Lại Văn H khởi kiện vụ án hành chính. Tại Bản án hành chính số 08/2019/HC-ST ngày 11/2/2019, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lại Văn H, huỷ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (*người đại diện theo uỷ quyền của ông Lại Văn H (lần đầu)*) và Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (*người đại diện theo uỷ quyền của ông Lại Văn H* (lần *hai*); buộc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ xem xét giải quyết khiếu nại của vợ chồng ông Lại Văn H theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính số 08/2019/HC-ST ngày 11/2/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã có hiệu lực pháp luật. Thực tế, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ cũng đã thực hiện chức trách, công vụ trong việc giải quyết lại khiếu nại của ông Lại Văn H; cụ thể, ngày 12/8/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND (*lần đầu*) và ngày 26/11/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND (*lần hai*) để giải quyết khiếu nại của ông Lại Văn H.

Tuy nhiên, các quyết định nêu trên đều có nội dung giống như các quyết định hành chính đã bị Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai huỷ tại Bản án hành chính số 08/2019/HC-ST ngày 11/2/2019 và đều là các quyết định không công nhận nội dung khiếu nại của ông Lại Văn H. Việc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ giải quyết lại khiếu nại của ông Lại Văn H không khác nội dung đã giải quyết đã bị Toà án huỷ, là đã thể hiện sự không tuân thủ pháp luật, không tôn trọng và không thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông Lại Văn H.

Do vậy, ông Lại Văn H yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H và Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ.

Ngày 11/5/2022, ông Lại Văn H làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án huỷ Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28/2/1995 của UBND xã H, huyện Đ về việc quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi và huỷ Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại cơ quan hành chính sự nghiệp (số vào sổ 011096) do UBND huyện M cấp cho UBND xã H ngày 30/6/2000.

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ và người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ là ông Nguyễn Văn Thắng trình bày:

Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã H khoá II ngày 10/1/1995 về việc quy hoạch 2 Hec-ta đất của xã để xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã H và Trạm y tế xã H.

Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi tại Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28/2/1995 với diện tích là 2 Hec-ta, hiện nay Ủy ban nhân dân xã H đang quản lý, sử dụng 1 Hec-ta.

Ngày 30/6/2000, Ủy ban nhân dân xã H được Ủy ban nhân dân huyện M (*cũ*) cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước có số vào sổ là 011096 ngày 30/6/2000.

Tại thời điểm quy hoạch, Ủy ban nhân dân xã H xác định có hai hộ có đất nằm trong quy hoạch là hộ ông Bùi Văn N và hộ ông Trần Văn T theo Biên bản làm việc ngày 23/4/1998.

Năm 1997, khi xây dựng Trạm y tế xã thì gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H làm đơn khiếu nại đề nghị hỗ trợ công khai hoang. Ngày 13-1-1998, ông X cán bộ địa chính xã H đo đạc diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn N để tính công khai hoang thể hiện: Phía Đông giáp đất ông Lâm Văn Đ, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp rừng thông, phía Bắc giáp đường liên thôn đi B.

Lô 1 có diện tích 4.500 m^2 (*bao gồm 2.250 m^2 trồng lúa, mì, diện tích khai hoang là 2.250 m^2*); lô 2 có diện tích 11.358 m^2 (*bao gồm 9.108 m^2 trồng lúa, mì, diện tích phát hoang là 2.250 m^2*). Tổng diện tích đất là 15.108 m^2.

Ngày 14/4/1998 đến ngày 23/4/1998, T tra huyện Đ cùng Ủy ban nhân dân xã H có buổi làm việc với gia đình bà Nguyễn Thị H thống nhất trả lại đất quy hoạch và thống nhất hỗ trợ công khai hoang như sau: Diện tích đất trồng lúa, mì là 10 công/sào với giá 8.000 đồng/công, diện tích mới khai hoang, chưa trồng cấy là 5 công/sào với giá 8.000 đồng/công.

Ngày 17/8/2000, Ủy ban nhân dân xã H đã có báo cáo số 2 lần 1 về việc lấn chiếm trái phép đất xây dựng công cộng đối với gia đình ông Bùi Văn N.

Ngày 22/1/2001, Ủy ban nhân dân xã H mời gia đình bà Nguyễn Thị H đến Ủy ban nhân dân xã H để làm việc. Tại buổi làm việc, gia đình bà Nguyễn Thị H thống nhất nhận 500.000 đồng tiền hỗ trợ, số tiền còn lại, gia đình bà Nguyễn Thị H không nhận nữa và do con gia đình, nên bà Nguyễn Thị H xin Ủy ban nhân dân xã H cấp 35 mét đất mặt đường đi vào làng B, đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 13/11/2003.

Đối chiếu với hồ sơ đo đạc thực địa và giới cận của ông X, cán bộ địa chính xã H ngày 13/1/1998 thì toàn bộ diện tích đất của ông Lại Văn H nằm trọn trong khu đất 15.858 m^2 mà Ủy ban nhân dân xã H đã tính toán hỗ trợ xong cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 22/11/2021 (*500.000 đồng và 35 mét đất); cụ thể: Bà H đã công nhận ông N đã nhận tiền hỗ trợ là 500.000 đồng chính bà H viết và ký tại buổi giải quyết đơn khiếu nại ngày 6-10-2017 có sự chứng kiến của các ban ngành của xã và nguyên lãnh đạo qua các thời kỳ chứng kiến*).

Ngày 9/4/2002, Ủy ban nhân dân xã H có tờ trình số 10 về việc xin chuyển vị trí xây dựng trạm Y tế xã trong khuôn viên đất quy hoạch của Ủy ban nhân dân xã H đã được cấp quyền quản lý, sử dụng.

Ngày 10/4/2002, Trung tâm y tế huyện Đ trình tờ trình số 66 về xin cấp đất xây

dựng trạm Y tế xã H, đã được Phòng địa chính nhà đất huyện nhất trí và Ủy ban nhân dân huyện Đ đồng ý (*có tờ trình và sơ đồ vị trí giao đất, biên bản bàn giao mặt bằng kèm theo*). Từ năm 2002 đến năm 2011, trạm Y tế xã được xây dựng đưa vào hoạt động ổn định, có hàng rào phân chia ranh giới, gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H không có tranh chấp, khiếu nại và ngày 20/2/2011, bà Nguyễn Thị H công nhận "*gia đình cống hiến cho công trình phúc lợi xã H cụ thể Trạm Y tế xã H*" và cam kết, bà Nguyễn Thị H viết và ký "*Tôi cam kết lời nói trên là đúng, nếu gia đình tôi sai thì gia đình tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật* ".

Ngày 4/3/2001, ông Bùi Văn N công nhận hiến đất để xây dựng trạm Y tế xã cụ thể ông Bùi Văn N viết "*gia đình có hiến dâng mấy chục để xây trạm xá*".

Từ năm 1995 (*thời điểm quy hoạch*) đến thời điểm giải quyết hỗ trợ công khai hoang cho gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H không có sự xuất hiện của gia đình ông Lại Văn H. Gia đình bà Nguyễn Thị H được mời đến xã làm việc giải quyết hỗ trợ công khai hoang nhiều lần, từ năm 1997 đến năm 2001, nhưng không thấy gia đình bà nhắc đến đất của ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X và bà Nguyễn Thị H cũng không xuất trình giấy gửi đất của ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X cho gia đình bà. Về ông Lại Văn H (*trước đây ông Lại Văn H có cư trú tại địa phương nhưng đến năm 1991, ông Lại Văn H đã chuyển khẩu đi khỏi địa bàn xã H, đến năm 2013, ông Lại Văn H quay về nhập khẩu lại tại xã H vào sổ hộ khẩu của ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H).*

Việc ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X có đơn khiếu nại về việc bồi thường hơn 5.000 m^2 đất và tài sản trên đất gồm nhà xây gạch 50 m^2 và cây cối, hoa màu bị cưa cắt là không có cơ sở.

Vì vậy, Quyết định giải quyết đơn số 01/QĐ-UB ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã H giải quyết khiếu nại của ông Lại Văn H là đúng.

Toàn bộ hồ sơ quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi theo Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28/2/1995 của Ủy ban nhân dân xã H và toàn bộ hồ sơ việc giải quyết thu hồi đất của ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp bản photocoppy cho Toà án.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân huyện Đ và người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ngày 21/4/2020, Ủy ban nhân dân xã H có Công văn số 14/TB-UBND về việc thụ lý đơn khiếu nại của ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X.

Ngày 15/7/2020, Ủy ban nhân dân xã H có Công văn số 22/UBND-VX do tình hình dịch bệnh covid-19, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai công tác phòng chống dịch bệnh theo chỉ đạo của các cấp và tiến hành giãn cách xã hội theo chỉ thị của Thủ tướng; tiếp đến là dịch bạch hầu xảy ra trên địa bàn xã, nên Ủy ban nhân dân xã tiếp

tục chỉ đạo phòng chống.

Kiểm tra, đối thoại giải quyết, ngày 12/8/2020, Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định số 62/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lại Văn H (*lần đầu*).

Ngày 22/8/2020, bà Vũ Thị G (*người được ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X uỷ quyền*) làm đơn khiếu nại lần 2 đối với Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã H.

Kết quả kiểm tra hồ sơ lưu trữ:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã H khoá II kỳ họp thứ nhất, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi tại Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28-2-1995 với tổng diện tích 2 Hec-ta. Ngày 30/6/2000, Ủy ban nhân dân xã H được Ủy ban nhân dân huyện M (*cũ*) cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước có số vào sổ là 011096 ngày 30/6/2000.

Tại thời điểm quy hoạch, Ủy ban nhân dân xã H xác định có 2 hộ đất nằm trong quy hoạch là hộ ông Bùi Văn N và hộ ông Trần Văn T. Gia đình ông Trần Văn T và ông Trần Văn Hưng (*con ông T*) đã làm nhà trên đất, còn gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H trước đó có phát hoang một phần diện tích trồng lúa, mì nhưng sau đó đất bạc màu nên đã bỏ hoang.

Năm 1997, gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị hỗ trợ công khai hoang. Ngày 13/1/1998, ông Phạm Văn H, nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã (*từ năm 1997 đến năm 1999*) đã cử ông X, cán bộ địa chính xã H đo đạc diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn N để tính công khai hoang, cụ thể vị trí đất như sau: Phía Bắc giáp đường đi B, phía Đông không ghi giới cận, phía Tây giáp đất bà T và Ủy ban nhân dân xã cũ, phía Nam giáp đất rừng thông.

Ngày 26/3/1998, Ủy ban nhân dân xã H báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về việc quy hoạch và triển khai quy hoạch, có đưa ra 3 phương hướng giải quyết, nhưng gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H không đồng ý.

Ngày 23/4/1998, T tra huyện cùng Ủy ban nhân dân xã H làm việc với gia đình bà Nguyễn Thị H về việc hỗ trợ công và tiền khai hoang diện tích đất nói trên, gia đình bà Nguyễn Thị H thống nhất trả lại diện tích đất quy hoạch và thống nhất hỗ trợ khai hoang là diện tích đất trồng mì là 10 công/sào với giá 8.000 đồng/công, diện tích mới khai hoang, chưa trồng cấy là 5 công/sào với giá 8.000 đồng/công.

Ngày 30/5/1998, Ủy ban nhân dân xã H có Báo cáo số 04/1998/BC-UB về việc giải quyết hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị H, cụ thể: Diện tích thanh toán hỗ trợ gồm lô 1 có diện tích 4.500 m^2 (*bao gồm 2.250 m^2 trồng lúa, mì, diện tích khai hoang là 2.250 m^2*); lô 2 có diện tích 11.358 m^2 (*bao gồm 9.108 m^2 trồng lúa, mì, diện tích phát hoang là 2.250 m^2*). Tổng diện tích đất là 15.858 m^2.

Ủy ban nhân dân xã H đã tính toán hỗ trợ công khai phá với tổng số tiền là

1.040.000 đồng.

Năm 2001, gia đình bà Nguyễn Thị H tiếp tục kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã H vì chưa nhận được số tiền hỗ trợ và được Ủy ban nhân dân xã H giải quyết tại Biên bản làm việc ngày 27-9-2001.

Ngày 22/11/2001, Ủy ban nhân dân xã H mời gia đình bà Nguyễn Thị H lên làm việc. Tại buổi làm việc, gia đình bà Nguyễn Thị H thống nhất nhận 500.000 đồng tiền hỗ trợ, số tiền còn lại, gia đình bà Nguyễn Thị H không nhận nữa và do con, gia đình bà Nguyễn Thị H xin Ủy ban nhân dân xã H chuyển đổi lấy 35 mét đất mặt đường đi vào làng B, đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 13/11/2003.

Việc bà Vũ Thị G cho rằng năm 2004, cho dân quân vào đạp phá nhà ông Lại Văn H mà không thông báo, là không đúng, vì khu vực xã cưỡng chế vi phạm đối với gia đình ông Bùi Văn N, là diện tích đất của xã đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho xã số 011096 ngày 30/6/2000, trước khi tiến hành cưỡng chế, Ủy ban nhân dân xã đã ra T báo số 26/TB-UBND ngày 17/12/2014 yêu cầu gia đình ông Bùi Văn N tháo gỡ lán trại xây dựng trái phép trên đất quy hoạch của xã. Ngày 13/1/2015, Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định 03/QĐ-UBND quyết định cưỡng chế, tháo gỡ lều trại và nhổ bỏ các loại cây trồng trái phép trên đất mà Ủy ban nhân dân xã quản lý đối với hộ ông Bùi Văn N. Ngày 23/1/2015, Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định số 12/QĐ-UBND về việc thành lập Ban cưỡng chế.

Kết quả kiểm tra, xác minh thực tế:

Xác minh một số cán bộ xã các thời kỳ thì trong 2 Hec-ta đất quy hoạch các công trình phúc lợi, có khoảng 8.000 m^2 đất của trụ sở xã cũ và đất của hộ gia đình ông Trần Văn T, còn lại là hiện trạng đất là bụi cây rậm và một ít đất của gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H phát hoang, trồng mỳ, nhưng do đất bạc màu nên bỏ hoang. Khi gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H đề nghị hỗ trợ công khai hoang đối với phần diện tích này thì Ủy ban nhân dân xã H đã tính toán hỗ trợ với diện tích là 16.858 m^2 (*lớn hơn diện tích thực tế còn lại trong tổng 2 Hec-ta đất quy hoạch*).

Từ năm 1995 (*thời điểm quy hoạch*) đến thời điểm giải quyết hỗ trợ công khai hoang cho gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H không có sự xuất hiện của gia đình ông Lại Văn H. Gia đình bà Nguyễn Thị H được mời đến xã làm việc giải quyết hỗ trợ công khai hoang nhiều lần, từ năm 1998 đến năm 2001, nhưng không thấy gia đình bà nhắc đến đất của ông Lại Văn H và bà Phạm Thị X. Thời điểm này gia đình ông H, bà X không có tại địa phương, chỉ có gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H canh tác đất đó và ông N, bà H khai nhận toàn bộ diện tích đất mà xã quy hoạch là của gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H; gia đình ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H cũng không xuất trình giấy tờ gì liên quan đến đất của ông H, bà X.

Từ năm 2001, sau khi giải quyết hỗ trợ xong công khai hoang của gia đình ông N, bà H đến năm 2010 thì không còn ai có ý kiến về khu đất quy hoạch.

Trước đây, ông Lại Văn H có cư trú tại địa phương; nhưng năm 1991, ông Lại Văn H chuyển khẩu đi khỏi địa bàn xã H; đến năm 2013 quay lại nhập khẩu lại tại thôn 1, xã H vào sổ hộ khẩu của ông Bùi Văn N.

Theo sơ đồ tại Biên bản làm việc ngày 13/1/1998, ông X, cán bộ địa chính xã H đo đạc diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn N, thì tứ cận lô đất của ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H là Bắc giáp đường đi B, phía Đông không ghi giới cận, phía Tây giáp đất bà T và Ủy ban nhân dân xã cũ, phía Nam giáp đất rừng thông; còn lô đất của ông Lại Văn H theo lời bà G trình bày thì phía Đông giáp đất cậu mợ N, H, phía Tây giáp đất ông bà T, phía Nam giáp đất rừng thông, phía Bắc giáp đường đi B.

Như vậy, qua kết quả kiểm tra, xác minh thì việc ông Lại Văn H đề nghị giải quyết bồi thường đất và tài sản trên đất đối với phần diện tích đất mà ông cho rằng bố mẹ ông để lại cho ông sử dụng nằm trong quy hoạch xây dựng các công trình phúc lợi của xã, là không có sơ sở, chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị X trình bày:

Gia đình bà có mảnh đất tại thôn 1, xã H, huyện Đ.

Năm 1990, được bố mẹ chồng là ông Lại Hồng Q, bà Bùi Thị T làm di chúc cho hơn 5.000 m^2 để ra ở riêng, đất có tứ cận và có thôn trưởng cùng bà con ở lân cận ký tên xác nhận, có nguồn gốc khai hoang từ năm 1985 và không tranh chấp.

Gia đình bà đã làm nhà ở, sinh con, canh tác trên đất này.

Năm 1992, bà bị bệnh, bà và chồng là ông Lại Văn H viết giấy gửi đất cho cậu mợ là ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H trông nom, canh tác. Năm 2011, bà xây nhà trên đất, diện tích 50 m^2 để ở, thì năm 2014, Ủy ban nhân dân xã H cho dân quân đến đập nhà, vứt đồ đạc, quần áo bừa bãi, làm cho bà và gia đình phải đi ở nhờ.

Ủy ban nhân dân xã H không có quyết định cưỡng chế, không có quyết định thu hồi đất, không có quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư, không thông tin thu hồi đất thông qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết công khai.

Ngày 25/11/2016, Ủy ban nhân dân xã H tự ý vào khu đất của gia đình bà, cắt nhiều cây to của gia đình bà, rồi xây dựng tường rào, làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất. Bà đã nhiều lần gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị xem xét, nhưng không được giải quyết, đền bù với lý do là đất của gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã H năm 2000, di chúc của bố mẹ bà không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, bà và chồng bà đã nhận tiền bồi thường về đất.

Bà không uỷ quyền cho cậu mợ là ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H nhận tiền bồi thường.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân huyện Đ không có căn cứ.

Thực tế, từ năm 1985, bố mẹ chồng của bà khai hoang đất này, đã ở và canh tác ổn định. Ủy ban nhân dân xã H chưa có quyết định về sử dụng đất cũng như chưa có kế hoạch, quy hoạch về sử dụng công trình phúc lợi trên đất của bố mẹ ông Lại Văn H. Bố mẹ ông Lại Văn H là chủ sử dụng hợp pháp đất này. Ủy ban nhân dân xã H không có quyết định thu hồi đất đó mà lại cưỡng chế, đập phá nhà cửa, cưa cây cối, chiếm đất là sai.

Ủy ban nhân dân xã H tự ý, lén lút đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi còn tranh chấp, chưa đền bù. Bà và gia đình chỉ được biết sự việc này khi Ủy ban nhân dân xã H đến đập nhà bà năm 2014.

Ủy ban nhân dân xã H cho rằng ngày 22/11/2001 ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H nhận 500.000 đồng tiền hỗ trợ có cả đất của vợ chồng bà là không có căn cứ. Bởi, trong các tài liệu giải quyết, thể hiện ông Bùi Văn N đều ý kiến "*từ khi gia đình chuyển đi nơi khác, giao lại đất cho ông Bùi Văn N trông coi, nhưng ông bà N có đơn thì không hợp lý, vì đất vẫn đang đứng tên ông Lại Văn H*".

Bà đề nghị nếu thu hồi đất Ủy ban nhân dân xã H thì phải đền bù cho đúng, cho cả hai gia đình (*đây cũng là ý kiến của ông Vũ Hồng Phúc, Chủ tịch Uỷ ban mặt trận Tổ quốc tại Biên bản ngày 19/3/2003*).

Biên bản ghi ngày 3/6/2014 ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H cho rằng "*đất của gia đình bà, ông Bùi Văn N sử dụng không hiệu quả, không sử dụng thì Nhà nước có quyền thu hồi mà không đền bù*".

Tại Biên bản đối thoại của Hội đồng tư vấn tỉnh Gia Lai ngày 2/8/2017, trong lúc làm việc với bà Nguyễn Thị H (*người mà ông Lại Văn H uỷ quyền*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đưa ra một giấy bán đất thổ cư giả mạo chữ ký của chồng bà và cho rằng, chồng bà đã bán đất cho người khác. Ủy ban nhân dân xã H lấy lý do này để tìm cách từ chối bồi thường đất cho gia đình ông Bùi Văn H. Sau khi biết sự việc này, vợ chồng bà và bà Hiếu làm đơn tố cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện Đ, T tra huyện Đ, đề nghị Ủy ban nhân dân xã H mang giấy bán đất (*bản viết tay*) có chữ ký giả mạo đi trưng cầu giám định.

Tại Công văn số 12/Ttr-KNTC ngày 12/2/2017 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H phải kiểm tra, xác minh trả lời rõ việc này. Bà tố cáo Ủy ban nhân dân xã H cung cấp giấy bán đất giả, giấy bán đất không có vị trí đất, không có ranh giới, không có diện tích mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (*Cao Văn Nông*) lại cung cấp giấy này cho T tra tỉnh Gia Lai định "*mưu hèn kế bẩn*" để từ chối bồi thường, khi bà tố cáo đề nghị đưa giấy đi trưng cầu giám định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H trả lời tại Công văn số 71/UBND-KNTC ngày 15/12/2017 thể hiện rằng "*Ủy ban nhân dân xã H chuyên giả mạo giấy tờ để chiếm dụng tài sản*".

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H giải quyết tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 26/4/2018. Bà khởi kiện và Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ra Bản án số 08/2019/HC-ST ngày 11/2/2019 huỷ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 19-10-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thực hiện chức trách công vụ. Nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H lại ra Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 (lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 giải quyết khiếu nại (lần hai) đều có nội dung không khác các quyết định mà Bản án số 08/2019/HC-ST ngày 11/2/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã huỷ.

Bà cho rằng hành vi ra Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và hành vi ra Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện họ đã không tuân thủ pháp luật, hành vi đó đã xâm hại nghiệm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Nay, bà có yêu cầu như yêu cầu của chồng bà là ông Lại Văn H, đó là yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và huỷ Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- *Ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 1990, vợ chồng ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X được bố mẹ của họ lập di chúc cho thửa đất khoảng gần 1 Hec-ta để vợ chồng họ ra ở riêng. Đất này là do gia đình đi xây dựng kinh tế mới và khai hoang từ năm 1985. Cả gia đình bố mẹ ông Lại Văn H quản lý, canh tác, không tranh chấp, có các hộ liền kề và thôn trưởng xác nhận.

Từ khi được cho đất như trên, vợ chồng ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X ở và canh tác, trồng nhiều loại hoa màu. Năm 1992, vợ chồng ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X viết giấy gửi đất cho vợ chồng họ quản lý, trông nom. Vợ chồng ông chấp nhận và tiếp tục canh tác trên đất này, giữ nguyên mốc giới đất: Phía đông giáp đất của vợ chồng ông, phía Tây giáp đất bà T, phía Nam giáp rừng thông, phía Bắc giáp đường đi làng B.

Ủy ban nhân dân xã H đo đạc đất của vợ chồng ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X là 7.339,4 m^2, đất của vợ chồng họ là 5.737,9 m^2 tại trích lục thửa đất có đại diện chủ đất và cơ quan chức năng, cùng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ngày 26/7/2019. Toàn bộ đất của vợ chồng ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X và vợ chồng họ là 13.077,3

m^2.

Ủy ban nhân dân xã H thu hồi toàn bộ đất của gia đình ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X và toàn bộ đất của gia đình họ, nhưng không có quyết định thu hồi đất, bồi thường đất, tái định cư.

Năm 2014, Ủy ban nhân dân xã H tự đưa người đến đập phá nhà của ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X, chỉ còn lại cây cối, hoa màu. Ngày 25/11/2016, Ủy ban nhân dân xã H lại tự đưa máy vào vườn ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X để cưa cây cối. Ngày 8/3/2017, Ủy ban nhân dân xã H tự vào đất của gia đình họ cưa cắt toàn bộ cây cối. Hiện nay đất của gia đình ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X bị thu hồi thì phần lớn còn để trống, đất của gia đình họ thì họ vẫn trồng cây và làm nhà ở và có cả công trình phụ, họ đang sinh sống trên đất mà Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng gia đình họ đã nhận 500.000 đồng tiền bồi thường có cả tiền bồi thường của gia đình ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X là vu khống.

Ngày 11/5/2022, ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Toà án huỷ Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28/2/1995 của UBND xã H, huyện Đ về việc quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi và huỷ Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại cơ quan hành chính sự nghiệp (*số vào sổ 011096*) do UBND huyện M cấp cho UBND xã H ngày 30/6/2000.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116. Điều 158, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 347, Điều 258, Điều 359 của Luật tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 27 và Điều 28 Luật đất đai năm 1993; các Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật khiếu nại;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn H.

Huỷ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai "*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lại Văn H – cư trú tại thôn 1 xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và bà Phạm Thị X – cư trú tại thôn 2 xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đak Nông (lần đầu)*".

Huỷ Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai "*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lại Văn H – cư trú tại thôn 1 xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và bà Phạm Thị X – cư trú tại thôn 2*

xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đak Nông (lần hai)”.

Buộc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và buộc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai phải xem xét, giải quyết khiếu nại của ông Lại Văn H và bà Phạm Thị X theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lại Văn H, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 28/2/1995 của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai “*về việc quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi*” và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại cơ quan hành chính sự nghiệp (số vào sổ 011096) do Uỷ ban nhân dân huyện M cấp cho Uỷ ban nhân dân xã H ngày 30/6/2000.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2022 và ngày 10/12/2022; người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lại Văn H không rút đơn khởi kiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; sửa bản án hành chính sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn H.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã H khoá II ngày 10/01/1995; ngày 28/02/1995, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành quy hoạch khu vực các công trình phúc lợi theo Quyết định số 01/QĐ-UB với diện tích là 02 Hec-ta đất (*20.000m^2*), có nội dung: “*Quy hoạch khu đồi phía sau UB, cách đường 19B 50m, phía Bắc giáp đường vào thôn bông giót rộng đông tây 200m, rộng bắc nam 100m. Tổng diện tích 2ha để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội*”.

Ngày 30/6/2000, Ủy ban nhân dân xã H được Ủy ban nhân dân huyện M (*cũ*) cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp có số vào sổ 011096, diện tích 20.000m^2 (*2 Hec-ta*).

[1.1] Tại thời điểm quy hoạch, có hai hộ có đất nằm trong quy hoạch là 02 Hec-ta đất (*20.000m^2*), trong đó có hộ ông Bùi Văn N và khi Ủy ban nhân dân xã H thực hiện theo quy hoạch thì vợ chồng ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị hỗ trợ công khai hoang đối với diện tích đất bị ảnh hưởng quy hoạch.

Theo kết quả đo đạc để tính hỗ trợ công khai hoang vào ngày 13/01/1998, thể hiện diện tích đất của gia đình ông Bùi Văn N: Phía Đông giáp đất ông Lâm Văn Đ, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp rừng thông, phía Bắc giáp đường liên thôn đi B; tổng diện tích đất là 15.108 m^2; đối chiếu với kết quả đo đạc theo sự chỉ dẫn của ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H ngày 05/4/2018 và theo sự chỉ dẫn của ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị G (*là đại diện ủy quyền của ông Lại Văn H*) ngày 26/7/2019, cho thấy toàn bộ diện tích đất của ông Lại Văn H khởi kiện nằm trong khu đất 15.858 m^2 mà Ủy ban nhân dân xã H đo đạc để tính hỗ trợ công khai hoang vào ngày 13/01/1998.

[1.2] Qúa trình giải quyết hỗ trợ công khai hoang theo đơn yêu cầu của gia đình ông N, bà H; gia đình ông N, bà H đã thống nhất trả lại diện tích đất 15.858 m^2 bị ảnh hưởng quy hoạch và thống nhất nhận hỗ trợ công khai hoang là 1.040.000 đồng tại các Biên bản ngày 14/4/1998, 23/4/1998 và tại Biên bản giải quyết ngày 22/11/2001; gia đình ông N, bà H thống nhất chỉ nhận 500.000 đồng tiền hỗ trợ và số tiền còn lại ông Bùi Văn N xin Ủy ban nhân dân xã H cấp 35 mét đất mặt đường đi vào làng B: "*Song cho đến nay UBND xã mới bồi thường cho tôi 500.000 đồng…Nay do nhu cầu cuộc sống, gia đình chỗ ở quá chật chội con cái đông con, gia đình không đòi số tiền đền bù nữa và xin lại 35m mặt đường để sau này cho con cái ở…*"; yêu cầu của ông N được UBND xã H thống nhất và đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 13/11/2003 (*Thửa 173, tờ bản đồ số 18, diện tích 1453m^2*).

Việc bà H cho rằng gia đình bà H không nhận số tiền 500.000 đồng hỗ trợ công khai hoang cũng đã được bà H thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 06/10/2017: "*Ngày 22/11/200, ông N chỉ nhận hỗ trợ phần đất của ông N số tiền là 500.000 đồng…*" và được ông N thừa nhận tại Biên bản giải quyết ngày 22/11/2001: " *gia đình nhất trí trả trả lại cho UBND và UBND đã nhất trí bồi thường cho gia đình ông N 1.040.000 đồng. Song cho đến nay UBND xã mới bồi thường cho tôi 500.000 đồng…Nay do nhu cầu cuộc sống, gia đình chỗ ở quá chật chội con cái đông con, gia đình không đòi số tiền đền bù nữa và xin lại 35m mặt đường để sau này cho con cái ở…*". Bên cạnh đó, tại Biên bản giải quyết ngày 22/11/2001, ông Bùi

Văn N thừa nhận diện tích đất đo đạc để tính hỗ trợ công khai hoang vào ngày 13/01/1998, đã bỏ hoang từ năm 1986 đến năm 1993: "*từ năm 1986 đến năm 1993, đất mất màu, gia đình bỏ hoang đến năm 1995 UBND xã quy hoạch đất vào khuôn viên UBND xã để làm việc…*" và tại Biên bản thẩm định hiện trường ngày 09/8/2000 của UBND xã H, thể hiện sau khi gia đình ông N, bà H được giải quyết hỗ trợ bồi thường công khai hoang, đến ngày 26/7/2000 gia đình ông N, bà H tái lấn chiếm để trồng cây: Mít, cà phê …Do đó, Ủy ban nhân dân xã H xác định là đất bỏ hoang là phù hợp và Ủy ban nhân dân xã H chỉ bồi thường hỗ trợ công khai hoang theo yêu cầu của gia đình ông N, bà H là có căn cứ.

[1.3] Từ các diễn biến vụ việc nêu trên, thể hiện: Toàn bộ diện tích đất bị ảnh hưởng bởi quy hoạch công trình Ủy ban nhân dân xã H của gia đình ông N, bà H và của gia đình ông Lại Văn H đã được ông N, bà H thỏa thuận, nhận tiền hỗ trợ và nhận đất.

[2] Qúa trình giải quyết đơn của ông N, bà H từ năm 1998 đến thời điểm gia đình ông N, bà H thỏa thuận nhận bồi thường hỗ trợ (*năm 2001*); ông N, bà H không xuất trình và không khai báo về diện tích đất ông Lại Văn H thừa kế, không khai báo về việc của ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X gửi đất cho gia đình ông N, bà H quản lý và cho rằng toàn bộ diện tích đất bị ảnh hưởng quy hoạch công trình Ủy ban nhân dân xã H của gia đình ông N, bà H: *" năm 1985, gia đình ông từ miền Bắc vào Tây nguyên theo chế độ kinh tế mới…Gia đình ông cùng con cháu khai hoang diện tích đất khoảng 1,5 ha sử dụng ...Năm 1998, gia đình ông khiếu nại đòi hỗ trợ công khai hoang với số tiền là 1.040.000 đồng và đã chi trả 685.000 đồng…số tiền còn lại 355.000 đồng , UBND đã thỏa thuận để lại 35m đất mặt đường để gia đình ông N tiếp tục sử dụng*" nên Ủy ban nhân dân xã H không làm việc, thỏa thuận và giải quyết đối với ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X là có căn cứ. Mặt khác, các chứng cứ do ông Lại Văn H, bà Phạm Thị X xuất trình và khai báo có nhiều mâu thuẫn, cụ thể:

+ Căn nhà xây dựng năm 2011, ông H khai là của ông H xây dựng nhưng ông N, bà H cho rằng do ông N, bà H xây dựng: "*Đất của tôi, tôi làm nhà cho con tôi…*" và "*Hiện nay, gia đình tôi có nhu cầu làm nhà ở và đang xây dựng trên lô đất 1 nói trên, còn lô 2 gia đình có hiến dâng mấy chục để xây trạm xá*." (*Biên bản hiện trường ngày 20/02/2011 và đơn đề nghị của ông N, bà H ngày 04/3/2011*).

+ Bản di chúc đề ngày 10/02/1990; không phải nhân chứng Đỗ Văn Đạo và ông Phạm Hồng Trường trưởng thôn ký xác nhận có nội dung không phải tại thời điểm 10/02/1990 nhưng lại đề ngày 10/02/1990: "*lúc đó ông Q sức khỏe còn minh mẫn*" và "*Vì lúc đó tôi là thôn trưởng thôn I*".

Do đó, từ các lời khai và chứng cứ nêu trên; không đủ cơ sở để tin cậy di chúc ngày 10/02/1990 và giấy gửi đất là có thật; trường hợp có cơ sở xác định diện tích đất được nêu tại di chúc ngày 10/02/1990 là của ông Lại Hồng Q và bà Bùi Thị T theo

quy định của pháp luật (*đăng ký, kê khai và thể hiện trên bản đồ địa chính*) thì ông N, bà H chịu trách nhiệm với ông H, bà X.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; sửa bản án hành chính sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn H.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và án phí hành chính sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Lại Văn H phải chịu án phí sơ thẩm và phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 2, Điều 3, Điều 16 và Điều 19 Luật đất đai năm 1993; các Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 33, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 42 Luật khiếu nại; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn H; về các yêu cầu sau đây:

- Yêu cầu huỷ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai "*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lại Văn H – cư trú tại thôn 1 xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và bà Phạm Thị X – cư trú tại thôn 2 xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đak Nông (lần đầu)*".

- Yêu cầu huỷ Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26-11-2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai "*về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lại Văn H – cư trú tại thôn 1 xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và bà Phạm Thị X – cư trú tại thôn 2 xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đak Nông (lần hai)".*

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Buộc ông Lại Văn H phải chịu 9.350.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (*ông Lại Văn H đã nộp đủ số tiền này*).

- Buộc ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.350.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (*ông Bùi Văn N, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ số tiền này*).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Lại Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Lại Văn H đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai số 0000745 ngày 1/1/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Ông Bùi Văn N và bà Phạm Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Bùi Văn N và bà Phạm Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0130 ngày 8/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

Hoàn trả lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0204 ngày 07/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0202 ngày 03/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh